

XÂY DỰNG BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC PHẢN BIỆN CHO HỌC SINH TRONG DẠY HỌC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN Ở CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN THPT

NGUYỄN THỊ LÊ THANH

Trường THPT Lê Quảng Chí, Kỳ Anh, Hà Tĩnh

Email: lethanh.lqc@gmail.com

Tóm tắt: Phát triển tư duy phản biện và năng lực phản biện cho học sinh là một trong những xu hướng của giáo dục hiện đại. Đối với giáo dục Việt Nam phát triển tư duy phản biện và năng lực phản biện là hướng đi hiệu quả cho mục tiêu dạy học phát triển năng lực học sinh. Kiểm tra đánh giá có sự tác động khá lớn vào quá trình đổi mới giáo dục. Trong bài viết tôi xin trình bày kết quả nghiên cứu, về đề xuất bộ tiêu chí đánh giá TDPB và NLPB. Thông qua kết quả này, sẽ giúp cho GV và HS có căn cứ để đưa ra các biện pháp dạy học đọc hiểu văn bản nhằm phát triển TDPB và NLPB có hiệu quả hơn.

Từ khoá: Tiêu chí đánh giá, tư duy phản biện, năng lực phản biện, dạy học đọc hiểu văn bản

1. MỞ ĐẦU

Phát triển năng lực học sinh (NLHS) là yêu cầu và xu thế của dạy học hiện đại ngày nay. Việc xác định các năng lực (NL) cần thiết để rèn luyện, phát triển cho người là do yêu cầu của thực tế của các nền giáo dục khác nhau trên thế giới. Tư duy phản biện (TDPB) và năng lực phản biện (NLPB) mặc dù không được gọi thành tên trong chương trình phổ thông 2018 nhưng nó là một trong những NL cần thiết của con người, và có sự ảnh hưởng tích cực đến việc phát triển các NL khác. Môn Ngữ văn nói chung, phân môn đọc hiểu văn bản nói riêng có rất nhiều lợi thế trong phát triển TDPB và NLPB và ngược lại, khi rèn luyện TDPB và NLPB qua môn Ngữ văn cũng giúp người học hoàn thiện được các kỹ năng đọc - viết - nói - nghe.

Để bồi dưỡng, phát triển hiệu quả các NL cho HS thì cần phải có phân chia mức độ NL người học, từ đó có các biện pháp phù hợp cho từng đối tượng HS. Do đó việc xây dựng bộ tiêu chí đánh giá TDPB và NLPB trong dạy học đọc hiểu văn sẽ là cơ sở quan trọng để giáo viên lựa chọn các phương pháp dạy học phù hợp, hiệu quả.

2. NỘI DUNG

2.1. Cơ sở khoa học của việc xây dựng tiêu chí đánh giá năng lực học sinh

2.1.1. Vài nét về quan niệm đánh giá theo NL hiện nay

Theo quan điểm phát triển NL, việc đánh giá kết quả học tập không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức đã học làm trung tâm của việc đánh giá. Đánh giá kết quả học tập theo NL cần chú trọng khả năng vận dụng sáng tạo tri thức trong những tình huống ứng dụng khác nhau. Đánh giá kết quả học tập đối với các môn học và hoạt động

giáo dục ở mỗi lớp và sau cấp học là biện pháp chủ yếu nhằm xác định mức độ thực hiện mục tiêu dạy học, có vai trò quan trọng trong việc cải thiện kết quả học tập của HS. Hay nói cách khác, *đánh giá theo NL là đánh giá kiến thức, kỹ năng và thái độ trong bối cảnh có ý nghĩa*.

Xét về bản chất thì không có mâu thuẫn giữa đánh giá NL và đánh giá kiến thức kỹ năng, mà đánh giá NL được coi là bước phát triển cao hơn so với đánh giá kiến thức, kỹ năng. Để chứng minh HS có NL ở một mức độ nào đó, phải tạo cơ hội cho HS được giải quyết vấn đề trong tình huống mang tính thực tiễn. Khi đó HS vừa phải vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã được học ở nhà trường, vừa phải dùng những kinh nghiệm của bản thân thu được từ những trải nghiệm bên ngoài nhà trường (gia đình, cộng đồng và xã hội). Như vậy, thông qua việc hoàn thành một nhiệm vụ trong bối cảnh thực, người ta có thể đồng thời đánh giá được cả kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hiện và những giá trị, tình cảm của người học. Mặt khác, đánh giá NL không hoàn toàn phải dựa vào chương trình giáo dục môn học như đánh giá kiến thức, kỹ năng, bởi NL là tổng hoà, kết tinh kiến thức, kỹ năng, thái độ, tình cảm, giá trị, chuẩn mực đạo đức,... được hình thành từ nhiều lĩnh vực học tập và từ sự phát triển tự nhiên về mặt xã hội của một con người.

2.1.2 . Mục đích và nguyên tắc của việc xây dựng bộ tiêu chí đánh giá NLHS

a. Mục đích xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực

Theo *Từ điển Tiếng Việt* 2008, *đánh giá* được hiểu là *nhận định giá trị* [6, tr.336]. Trong giáo dục học, đánh giá được hiểu là quá trình hình thành những nhận định, phán đoán về kết quả công việc, dựa vào sự phân tích những thông tin thu được đối chiếu với mục tiêu, tiêu chuẩn đã đề ra, nhằm đề xuất những quyết định thích hợp để cải thiện thực trạng, điều chỉnh, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục. Thông tin kiểm tra, đánh giá sẽ giúp HS xác định được mức độ tiếp nhận tri thức cũng như NL của bản thân. Xây dựng được bộ tiêu chí đánh giá về NL sẽ giúp HS: tự nhận xét, đánh giá về NL của bản thân dựa trên các mức độ biểu hiện đã được thể hiện trong thang đo; nhận ra được khoảng cách giữa NL bản thân với yêu cầu của GV đặt ra, từ đó đưa ra những hành động cụ thể để cố gắng vượt qua; định hướng, điều chỉnh hoạt động hành vi chủ thể trong quá trình học tập; kiểm tra, đánh giá sẽ giúp GV thấy được hiệu quả của công tác giảng dạy thông qua kết quả của học tập của HS. Từ đó, hoàn chỉnh các hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy phù hợp, tăng tính hiệu quả cho HS. Đặc biệt, thông tin kiểm tra đánh giá sẽ giúp GV phân loại được HS, từ đó sẽ có những biện pháp tác động phù hợp nhằm phát triển NL cho HS theo từng cấp độ khác nhau; với nhà trường, phụ huynh và cơ quan quản lý giáo dục: thông qua kiểm tra đánh giá, nhà trường theo dõi được tình hình học tập của HS, đánh giá được công việc giảng dạy của GV. Đây cũng là “kênh” thông tin quan trọng để phụ huynh biết rõ về NL của mình, từ đó có những định hướng, kết hợp mang lại hiệu quả tốt. Xác định thang đo đánh giá NL HS là cơ sở để các nhà quản lý, hoạch định giáo dục có những chính sách, chủ trương phù hợp.

Như vậy có thể thấy, đánh giá trong giáo dục không chỉ ghi nhận thực trạng mà còn đề xuất những quyết định làm thay đổi thực trạng giáo dục theo chiều hướng mong muốn của xã hội.

b. Nguyên tắc xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực học sinh

Nguyên tắc 1. Đảm bảo tính hệ thống và khoa học: Đây là nguyên tắc chung, bắt buộc đối với tất cả các NL học tập của HS. Theo đó, cấu trúc của thang đánh giá mức độ biểu hiện NL phải logic, rõ ràng, có sự tương quan hợp lý giữa các thành phần của NL đó.

Nguyên tắc 2. Đảm bảo tính khách quan: Đánh giá một cách khách quan chính xác sẽ làm HS thỏa mãn về mặt tinh thần, kích thích tính tích cực học tập, củng cố uy tín, sự tin tưởng của HS đối với GV. Để đảm bảo tính khách quan khi xây dựng thang đánh giá NL cần chú ý một số điểm sau: Cấu trúc thang đo phải rõ ràng, các tiêu chí đánh giá phải phản ánh đầy đủ sự phát triển NL; Cần bám sát mục tiêu chương trình Ngữ văn phổ thông và đặc trưng dạy học đọc hiểu VB để xây dựng các tiêu chí đánh giá; Từ ngữ được dùng trong thang đánh giá cần dễ hiểu và chính xác về mặt khoa học.

Nguyên tắc 3. Đảm bảo tính đa dạng và toàn diện: Sự đa dạng các tiêu chí đánh giá sẽ giúp cho việc hình thành và phát triển NL ở HS đạt hiệu quả cao. Để đảm bảo nguyên tắc này, chúng tôi đã vận dụng quan điểm hệ thống - cấu trúc vào việc xây dựng thang đánh giá mức độ biểu hiện NL. Tất cả tiêu chí đánh giá trong thang đo luôn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, đóng vai trò đánh giá toàn diện NL của HS.

2.2. Cấu trúc thành tố của TDPB và NLPB

2.2.1. Vài nét về TDPB và NLPB

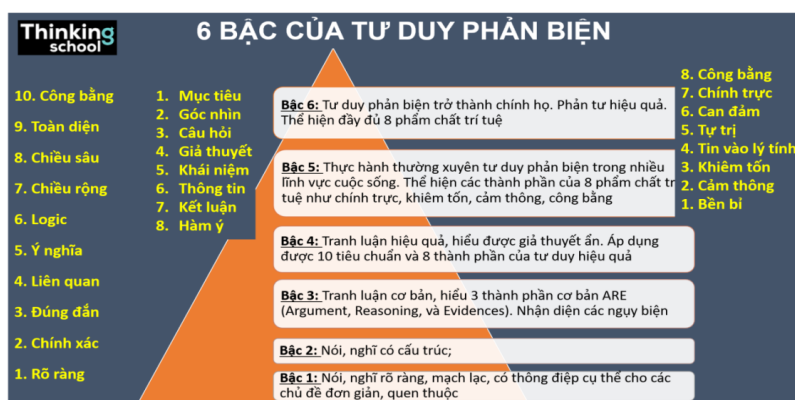
TDPB là một loại hình tư duy biện chứng gồm phân tích và đánh giá những thông tin đã có theo các cách nhìn khác nhau, qua đó nhằm làm sáng tỏ và khẳng định lại tính chính xác của vấn đề [5, 9]. NLPB được phát triển từ khái niệm TDPB. NLPB, theo PGS. TS. Nguyễn Thành Thi đó là năng lực phát hiện những điểm bất cập/ bất hợp lý, bất khả thi, bất khả dụng và cất lên tiếng nói cảnh báo có ý nghĩa trên cơ sở lật trở vấn đề, quan sát đối tượng từ nhiều phía (nhất là phía nghịch, mặt trái) [8, 2]

Có thể thấy, giữa TDPB và NLPB có mối quan hệ biện chứng. Không thể có NLPB nếu không có TDPB. TDPB là nền tảng, là cơ sở để hình thành NLPB. Dựa trên khả năng tư duy độc lập, khả năng phán đoán, suy nghĩ, lật lại vấn đề sau khi đã có cái nhìn đa chiều về vấn đề, người học huy động vốn tri thức, kinh nghiệm và kỹ năng lập luận, biện bác của mình để khẳng định, đồng tình hoặc bác bỏ những suy nghĩ, quan điểm, ý kiến và biện luận của người khác, nhằm làm sáng tỏ vấn đề dưới một góc nhìn khác. Ngược lại, trong quá trình huy động tri thức, kinh nghiệm, kỹ năng và thái độ để phản biện, tranh luận, đối thoại vấn đề thì khả năng nhận thức, phán đoán, tư duy độc lập, phản biện của con người càng được nâng cao và phát triển.

2.2.2. Cấp độ của TDPB và các năng lực thành tố của NLPB

*** Một vài nét về các cấp độ của TDPB**

Theo Vũ Thế Dũng (Sáng lập và CEO của Thinkingshool.vn) đã phân tích và chỉ các cấp độ của TDPB theo 6 bậc như sau:



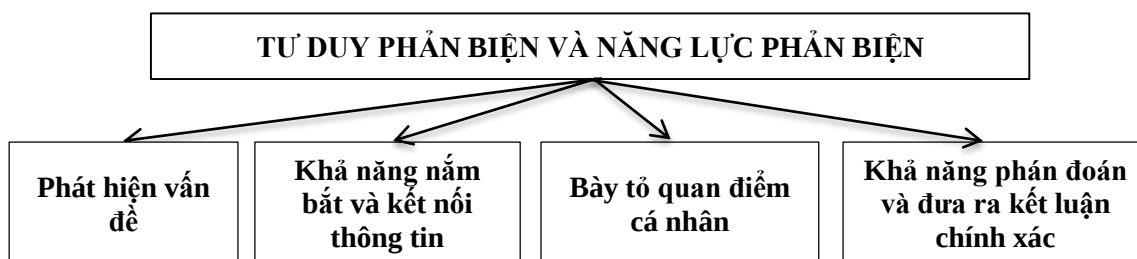
Hình 1. Các cấp bậc của tư duy phản biện

* Các năng lực thành tố và biểu hiện đặc trưng của TDPB và NLPB

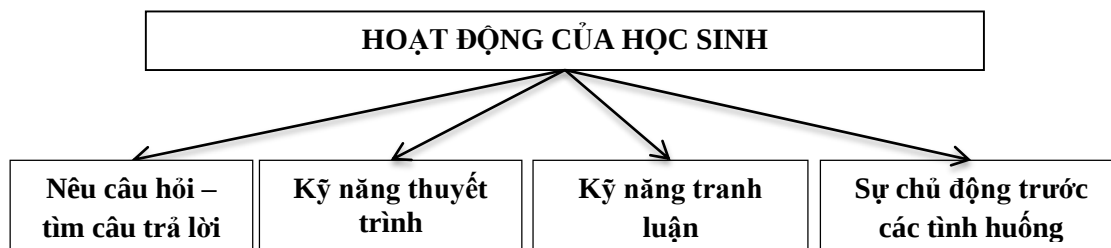
Theo tác giả Nguyễn Lan Phương [7], NL được cấu thành bởi 3 phần chính:

- Hợp phần (components of competency): là các lĩnh vực chuyên môn tạo nên NL.
- Thành tố (element): là các NL hoặc kỹ năng bộ phận tạo nên mỗi hợp phần.
- Hành vi (behaviour): bộ phận được chia tách từ mỗi thành tố

Dựa trên quan niệm này, chúng tôi đã đưa phân chia TDPB và NLPB thành các NL thành tố hợp thành (Hình 2). Từ các thành tố này chúng tôi sẽ xây dựng các tiêu chí để đánh giá NL của người học.



Hình 2. Các NL thành tố của NL TDPB



Hình 3. Nội dung hoạt động của HS thể hiện TDPB và NLPB

Ngoài ra, trong thực tiễn dạy học, để đánh giá NL HS, chúng tôi nhận thấy cần phải có sự theo dõi đánh giá thông qua việc quan sát các hoạt động của HS. Vì thế, chúng tôi đã khái quát các hoạt động của HS là biểu hiện của TDPB và NLPB (Hình 3).

2.3. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá TDPB và NLPB cho HS trong dạy học đọc hiểu văn bản

2.3.1. Thang đánh giá TDPB và NLPB cho HS qua dạy học đọc hiểu VB

Dựa trên cơ sở lí luận, cơ sở khoa học của việc nghiên cứu cùng với mục tiêu dạy học của chương trình Ngữ văn, đặc thù NL chuyên biệt cần phát triển của môn Ngữ văn chúng tôi đã xây dựng công cụ và thang đánh giá TDPB và NLPB cho HS như bảng 1.

Bảng 1. Bảng đánh giá TDPB và NLPB cho HS
(0: không biểu hiện; 1: hiếm khi; 2: thỉnh thoảng; 3: luôn luôn biểu hiện)

NL thành tố	Các biểu hiện của TDPB và NLPB (<i>Năng lực hành vi</i>)	Điểm mức độ biểu hiện NL			
		3	2	1	0
Phát hiện vấn đề	Nhận biết các tình huống có vấn đề				
	Giải thích được vấn đề đang xem xét				
	Phân tích, đánh giá được mối liên hệ giữa các đối tượng				
Nắm bắt và kết nối thông tin	Lĩnh hội thấu đáo và dùng ngôn ngữ diễn đạt một cách rõ ràng, chính xác, sáng suốt.				
	Kết nối nhanh nhạy và sắp xếp logic các tài liệu liên quan				
	Nhìn sự việc, vấn đề dưới nhiều góc cạnh khác nhau				
Bày tỏ quan điểm cá nhân	Có quan điểm và tư duy độc lập;				
	Biết lắng nghe và cởi mở chấp nhận ý kiến trái chiều				
	Có phương pháp diễn đạt hiệu quả cho người khác hiểu quan điểm của mình.				
Phán đoán và Kết luận	Đưa ra những nhận định, đánh giá xác đáng về vấn đề.				
	Rút ra kết luận và khái quát hóa được vấn đề.				
	Lựa chọn giải pháp hợp lí, tối ưu và sáng tạo để giải quyết vấn đề.				
Tổng cộng					

Xây dựng thang đo NL dựa trên hoạt động của HS:

Biểu hiện	Hoạt động của HS trong quá trình dạy học (<i>Năng lực hành vi</i>)	Điểm mức độ biểu hiện NL			
		3	2	1	0
Kỹ năng nêu câu hỏi và tìm câu trả lời	Biết cách đặt những câu hỏi khác nhau trước một vấn đề				
	Đặt ra các giả thuyết để tìm câu trả lời				
	Phát biểu về vấn đề được nêu một cách rõ ràng, chính xác				
Kỹ năng thuyết trình	Nêu được nội dung thuyết trình				
	Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, logic				
	Có sự chuẩn bị, hợp tác làm việc nhóm				

Kỹ năng tranh luận	Nhận ra và khắc phục những sai lầm				
	Tranh luận khoa học: có mệnh đề-lập luận-bằng chứng				
	Có văn hóa trong giao tiếp, tranh luận				
Sự chủ động trước các tình huống	Chủ động tiếp nhận tình huống và các nhiệm vụ GV đặt ra				
	Tích cực tư duy và trình bày được ý kiến của bản thân				
	Có ý thức hợp tác, làm việc nhóm hiệu quả				
Tổng cộng					

2.3.2. Thiết kế bảng tiêu chí đánh giá TDPB và NLPB cho HS qua dạy học đọc hiểu văn bản

Để đánh giá NL cần phải dựa trên việc miêu tả rõ một sản phẩm đầu ra cụ thể mà cả hai phía GV và HS đều biết và có thể đánh giá được sự tiến bộ của HS dựa vào mức độ mà các em thực hiện sản phẩm. Đối với đánh giá TDPB và NLPB cần thiết kế bảng tiêu chí đánh giá.

Căn cứ vào thang đo những biểu hiện của TDPB và NLPB, chúng tôi đã nghiên cứu và xây dựng hệ thống các tiêu chí cùng các mức độ đánh giá TDPB và NLPB cho HS qua dạy học đọc hiểu VB thể hiện qua bảng sau:

NL thành tố	Tiêu chí	Các mức độ phát triển			
		Mức 3	Mức 2	Mức 1	Mức 0
1. Phát hiện vấn đề	<i>Nhận biết các tình huống có vấn đề</i>	Phát hiện nhanh, chính xác các tình huống có vấn đề trong VB	Nhận biết các tình huống có vấn đề tương đối chính xác	Nhận biết vấn đề, nhưng cơ bản còn chậm và thụ động	Không nhận ra được các đặt trong các VB đọc hiểu
	<i>Giải thích được vấn đề đang xem xét</i>	Giải thích đầy đủ chính xác các vấn đề đặt ra trong VB có hiệu quả.	Giải thích một vấn đề đặt ra trong VB một cách chính xác.	Giải thích các vấn đề nhưng chưa chính xác	Không giải thích được vấn đề đặt ra trong VB.
	<i>Phân tích, đánh giá được mối liên hệ giữa các đối tượng</i>	Nhận ra chính xác, đầy đủ bản chất và tất cả mối liên hệ giữa các đối tượng.	Nhận ra đúng bản chất và các mối liên hệ giữa các đối tượng nhưng chưa đầy đủ.	Nhận ra được mối liên hệ giữa các đối tượng nhưng chưa chính xác.	Không nhận ra được mối liên hệ giữa các đối tượng.
2. Nắm bắt và kết nối thông tin	<i>Lĩnh hội thấu đáo và diễn đạt rõ ràng, chính xác</i>	Nắm bắt ý chính nhanh, diễn đạt lại rõ ràng, chính xác	Nắm bắt ý chính và diễn đạt lại tương đối chính xác	Nắm bắt ý chính chậm và diễn đạt lại chưa chính xác	Không nắm bắt ý chính, diễn đạt lại nhập nhằng, sai lệch

	<i>Kết nối và sắp xếp logic các tài liệu liên quan đến vấn đề.</i>	Có sự liên hệ nhanh và sắp xếp logic các tài liệu liên quan đến vấn đề.	Có sự liên hệ, sắp xếp các tài liệu liên quan tương đối phù hợp	Kết nối tri thức còn chậm, và sắp xếp chưa hợp lí	Không có sự liên hệ thông tin liên quan đến vấn đề cần bàn bạc.
	<i>Nhìn sự việc, vấn đề dưới nhiều góc cạnh khác nhau</i>	Có cái nhìn toàn diện, đa chiều về vấn đề đang xem xét	Nhìn nhận vấn đề đa chiều nhưng ở mức độ tương đối.	Biết cách nhìn nhận vấn đề, tuy nhiên còn phiến diện, một chiều	Không nắm bắt vấn đề, có cái nhìn khá cực đoan, phiến diện
3. Bày tỏ quan điểm cá nhân	<i>Có quan điểm và tư duy độc lập.</i>	Luôn có quan điểm riêng, thể hiện tư duy độc lập tốt	Có quan điểm riêng, tư duy độc lập tương đối khá	Có quan điểm riêng, nhưng chưa phù hợp	Không có chính kiến; ngại tư duy
	<i>Biết lắng nghe và cởi mở chấp nhận ý kiến trái chiều</i>	Luôn biết lắng nghe và cởi mở chấp nhận ý kiến trái chiều	Biết lắng nghe nhưng chưa cởi mở trước ý kiến trái chiều	Không thích lắng nghe và chấp nhận ý kiến trái chiều	Không chịu lắng nghe và chấp nhận ý kiến trái chiều
	<i>Có phương pháp diễn đạt hiệu quả quan điểm của bản thân.</i>	Diễn đạt hiệu quả cho người khác hiểu quan điểm của mình.	Diễn đạt tương đối rõ ràng quan điểm của bản thân.	Có ý kiến, nhưng diễn đạt chưa rõ.	Không có ý kiến, và diễn đạt lủng củng, tối nghĩa
4. Phán đoán và Kết luận	<i>Đưa ra những nhận định, đánh giá xác đáng về vấn đề.</i>	Luôn đưa ra được những nhận định, đánh giá xác đáng về vấn đề.	Có đưa ra được những nhận định, đánh giá tương đối phù hợp	Đưa ra những nhận định, đánh giá nhưng khá chậm	Không ra những nhận định, đánh giá về vấn đề.
	<i>Rút ra kết luận và khái quát hóa được vấn đề.</i>	Luôn rút ra được kết luận và khái quát hóa được vấn đề.	Đưa ra được kết luận có tính tương đối và khái quát hóa được vấn đề.	Rút ra kết luận nhưng chưa có khả năng khái quát hóa được vấn đề.	Không nêu ra kết luận và khái quát hóa được vấn đề.
	<i>Lựa chọn giải pháp hợp lí, tối ưu và sáng tạo để giải quyết vấn đề</i>	Lựa chọn giải pháp chính xác hợp lí, tối ưu và có tính sáng tạo	Lựa chọn giải pháp hợp lí, tối ưu nhưng chưa sáng tạo	Lựa chọn giải pháp nhưng chưa hợp lí	Chưa lựa chọn được giải pháp để giải quyết vấn đề.

5. Kỹ năng nêu câu hỏi – tìm câu trả lời	<i>Biết cách đặt những câu hỏi khác nhau trước một vấn đề</i>	Phát hiện chính xác các vấn đề trong các VB và luôn có câu hỏi thích hợp.	Phát hiện một số vấn đề trong các VB bằng cách đặt ra một số câu hỏi phù hợp.	Phát hiện vấn đề đơn giản và chưa đặt ra những câu hỏi phù hợp.	Không phát hiện vấn đề và chưa biết cách đặt câu hỏi.
	<i>Đặt ra các giả thuyết để tìm câu trả lời</i>	Luôn biết đặt ra các giả thuyết để tìm câu trả lời. Biết nghiên cứu tài liệu phù hợp	Biết đặt ra các giả thuyết để tìm câu trả lời nhưng kỹ năng nghiên cứu tài liệu còn yếu	Tìm câu trả lời mang tính cảm tính, thiếu khoa học.	Không quan tâm tìm câu trả lời
	<i>Phát biểu về vấn đề được nêu một cách rõ ràng, chính xác</i>	Luôn nêu được vấn đề một cách rõ ràng, chính xác	Nêu vấn đề một cách tương đối rõ ràng, chính xác	Nêu vấn đề chưa được rõ ràng, chính xác	Không nêu được vấn đề
6. Kỹ năng thuyết trình	<i>Nêu được nội dung thuyết trình</i>	Thể hiện sự hiểu biết rất phong phú và đầy đủ về đề tài.	Thể hiện hiểu biết khá tốt về đề tài.	Thể hiện sự hiểu biết tốt về một vài phần của đề tài.	Không hiểu về nội dung cần thuyết trình
	<i>Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, logic</i>	Nói rõ ràng, mạch lạc trong suốt bài thuyết trình, có sự kết nối với ngôn ngữ cơ thể	Nói rõ ràng, rành mạch trong suốt bài thuyết trình nhưng thiếu điểm nhấn.	Nói chưa rõ ràng, nội dung bài thuyết trình; còn mang tính đối phó	Không diễn đạt được nội dung cần thuyết trình
	<i>Có sự chuẩn bị, hợp tác làm việc nhóm</i>	Các thành viên phân công công việc rõ ràng; thái độ tích cực hỗ trợ nhau trong thời gian thuyết trình.	Đa số các thành viên có sự phân công công việc nhưng vẫn chưa thống nhất phương pháp làm.	Một số thành viên tích cực làm bài thuyết trình, số còn lại khá thờ ơ.	Chưa tổ chức làm nhóm được; thiếu tính gắn kết và hợp tác.
7. Kỹ năng tranh luận	<i>Nhận ra và khắc phục những sai lầm</i>	Nhanh nhạy nhận ra những sai lầm và chỉ ra phương án khắc phục	Nhận ra được sai lầm, nhưng không chỉ phương án khắc phục	Nhận ra được sai lầm nhưng khá chậm	Không nhận ra được sai lầm.
	<i>Tranh luận khoa học: có mệnh đề</i>	Khi tranh luận luôn biết cách diễn đạt logic	Tranh luận biết nêu mệnh đề, có	Khi tranh luận chỉ nêu được mệnh	Không có ý thức tranh luận

	- <i>lập luận - bằng chứng</i>	khoa học: mệnh đề - lập luận - bằng chứng	lập luận nhưng bằng chứng còn non	đề, lập luận còn non và thiếu bằng chứng	
	<i>Có văn hóa trong giao tiếp, tranh luận</i>	Biết tôn trọng đối phương khi tranh luận. Tiết chế cái tôi cá nhân tốt	Kỹ năng giao tiếp khi tranh luận khá tốt	Khi tranh luận tỏ ra khá hiểu thắng	Thường rơi vào tranh cãi
8. Sự chủ động trước các tình huống	<i>Chủ động tiếp nhận tình huống và các nhiệm vụ GV đặt ra.</i>	Luôn chủ động tích cực khi tiếp nhận tình huống và các nhiệm vụ GV đặt ra.	Chưa tích cực tiếp nhận tình huống và nhiệm vụ GV đặt ra.	Khá thụ động tiếp nhận tình huống và nhiệm vụ GV đặt ra.	Không quan tâm tiếp nhận tình huống và nhiệm vụ GV đặt ra.
	<i>Tích cực tư duy và trình bày được ý kiến của bản thân</i>	Luôn tích cực tư duy và trình bày được ý kiến của bản thân	Có tư duy, trình bày ý kiến của bản thân nhưng chưa chủ động	Ít tư duy và trình bày được ý kiến của bản thân	Không quan tâm và không trình bày được ý kiến của bản thân
	<i>Có ý thức hợp tác, làm việc nhóm hiệu quả</i>	Có khả năng tổ chức làm việc nhóm hiệu quả	Có ý thức hợp tác, làm việc nhóm hiệu quả	Chưa tích cực hợp tác, làm việc nhóm hiệu quả	Chưa có ý thức hợp tác, làm việc nhóm

Như vậy, có thể thấy, với việc xây dựng được bộ tiêu chí đánh giá TDPB và NLPB chúng ta có thể đánh giá tương đối chính xác NL của HS thông qua các hoạt động VB. Dựa vào bảng tiêu chí, GV có xây dựng ma trận đề kiểm tra, phiếu đánh giá hoạt động thảo luận nhóm, tranh biện... của HS, thúc đẩy quá trình dạy học theo hướng phát triển năng lực hiệu quả hơn.

3. KẾT LUẬN

Kiểm tra đánh giá là một khâu quan trọng, thiết yếu trong quá trình phát triển NL cho HS. Kết quả kiểm tra đánh giá, phù hợp chính xác là định hướng, điều chỉnh phương pháp dạy và học của GV và HS. Do đó xây dựng các tiêu chí đánh giá phù hợp, đảm bảo tính khoa học, toàn diện là một trong những yêu cầu quan trọng của việc đổi mới giáo dục hiện nay. Tuy nhiên thực tế giảng dạy GV cần có sự linh hoạt, trong việc sử dụng các tiêu chí đánh giá phù hợp với đối tượng HS, trên cơ sở khuyến khích sự phát triển NL của người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông, môn Ngữ văn*.

- [3] Phan Huy Dũng (chủ biên, 2016). *Để làm tốt bài thi môn Ngữ văn kỳ thi THPT Quốc gia phần Đọc hiểu*, NXB Giáo dục.
- [4] Bùi Minh Đức (2013). Năng lực và vấn đề phân loại năng lực trong các nghiên cứu hiện nay, *Tạp chí Giáo dục* (số 306), tr.28-31.
- [5] Richard Paul – Linda Elder (2015). *Cẩm nang tư duy phản biện*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [6] Hoàng Phê (Chủ biên, 2008). *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.
- [7] Nguyễn Lan Phương (2015). *Đánh giá năng lực người học*, Báo cáo khoa học tại Trung tâm Nghiên cứu giáo dục phổ thông, Viện Khoa học giáo dục Việt Nam, tháng 1/2015.
- [8] Nguyễn Thành Thi (9/2013). Cần rèn luyện năng lực phản biện trong học tập cho học sinh, sinh viên, *Văn hóa và Du lịch* (số 13).

Title: CONSTRUCTING CRITERIA OF EVALUATION FOR STUDENT’S CRITICAL THINKING AND CRITICAL COMPETENCIES IN TEACHING PASSAGE READING COMPREHENSION IN THE LITERATURE PROGRAM AT HIGH SCHOOL

Abstract: Developing critical thinking and critical competencies for students is one of the trends of modern education. For Vietnamese education, such tendency is an effective guideline for the goal of teaching students to develop their competence. Assessment and evaluation put a great impact on the educational innovation process. In this article, I would like to present the research results, on the proposed criteria of evaluation for student’s critical thinking and critical competencies. Through this result, it will help teachers and students have grounds for suggestions that enhance teaching and learning reading comprehension more effectively.

Keywords: Criteria of evaluation, critical thinking, critical competence, teaching reading comprehension.